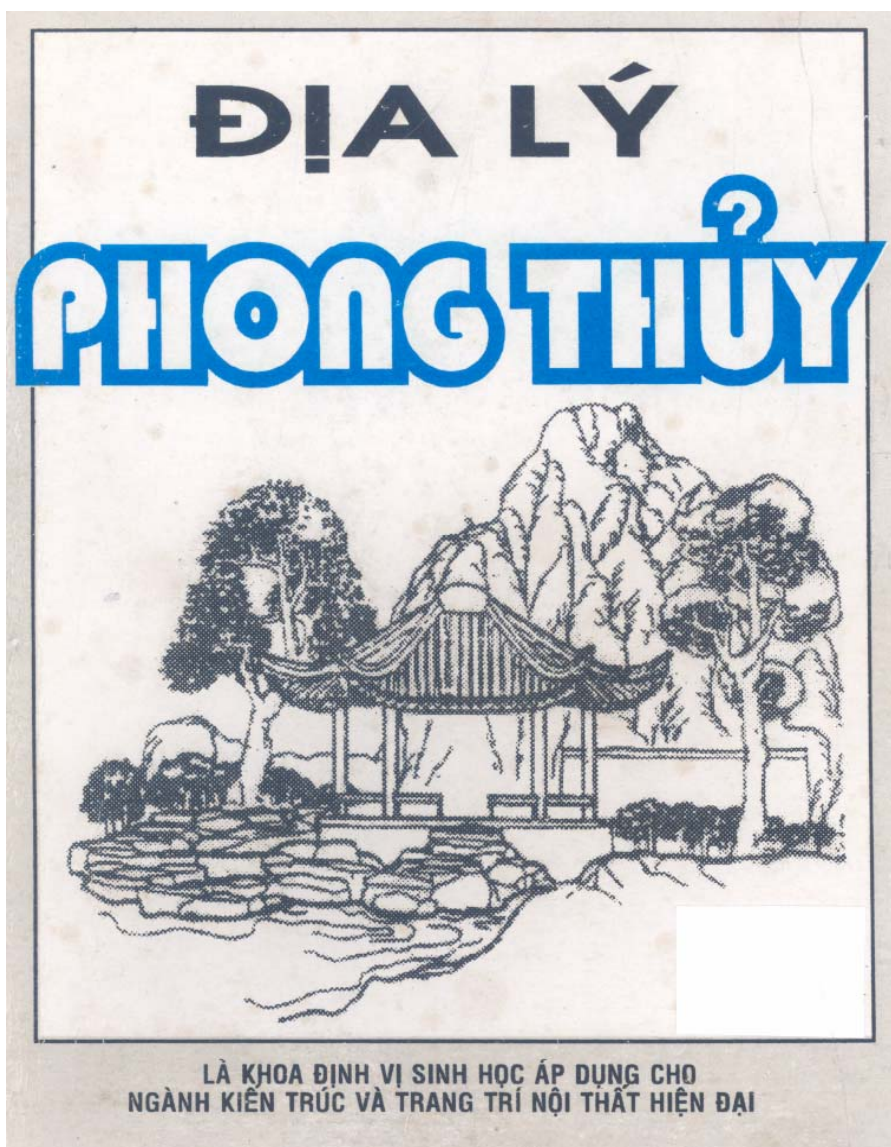


TRẦN VĂN HẢI
TỬ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 5. THỰC HÀNH THUẬT PHONG
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ
MẠNG CHẤN**



Chuyên đề mạng Chấn

TRẦN VĂN HẢI

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT
PHONG THỦY
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG
CHẤN**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

1992

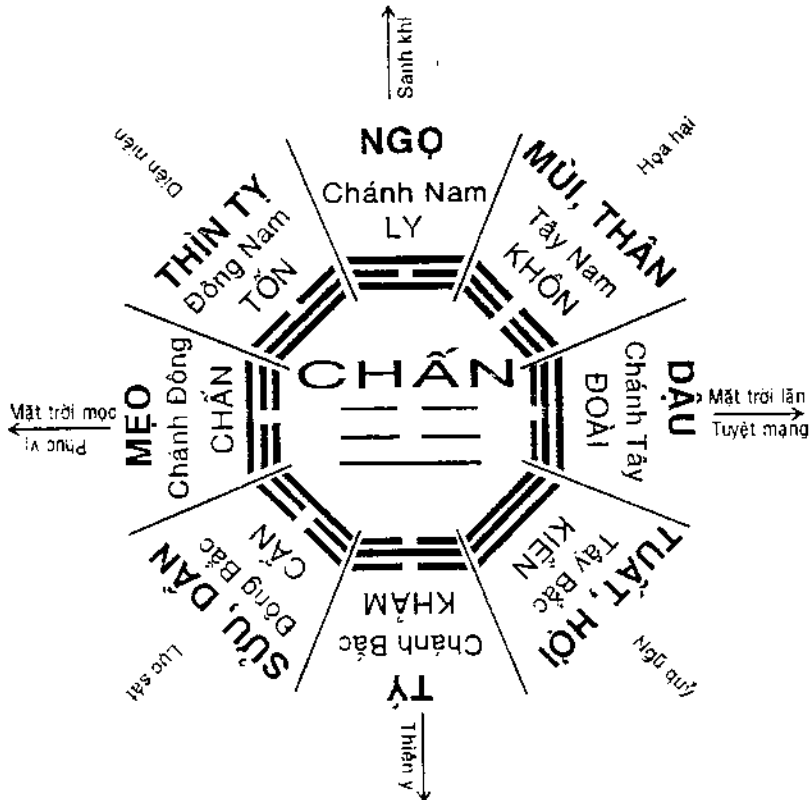
Chuyên đề mạng Chấn



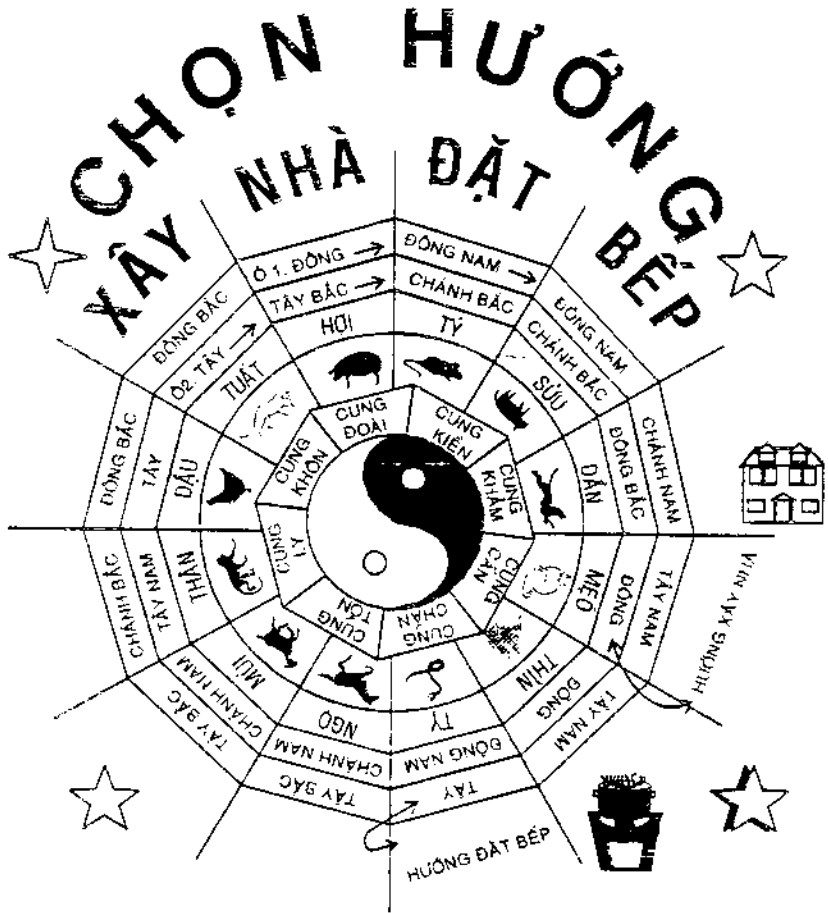
CHẤN VI LÔI

SẤM

CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN



Chuyên đề mạng Chấn



Chú ý : Ô 1 - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP.
 Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ô 2.
 Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu
 đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG CHẤN

Những điều nói trong “Tượng Loại Vạn Vật” là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc hỏi: Khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì như vậy là được. Ví dụ đoán về ăn uống được quẻ “tụng” (☶☶), quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bản ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ Hổ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về tượng loại vạn vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- 1/ Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm : Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là : “ngũ kim” là chỉ “kim” trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim : Canh. Tân. Thân. Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

Chuyên đề mạng Chấn

2/ Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiên vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiên. Ngôi hàng 1,4,9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.

3/ Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149 : cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

4/ Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân : quẻ Khôn ngũ hành thuộc Thổ, gặp tháng Thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Chấn sắp xếp theo mẫu tự.

ĂN UỐNG

(Ăn uống): vó chân; thịt, hương vị sơn lâm; thịt tươi; trái cây chua; rau; cá chép.

BÁT MÔN TIỂU ĐỘN

Bát Môn là tám cung, tám cửa: Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiên, Hữu, Sanh, Thương, Đồ, Kiến, Tử, Kinh, Khai. Đối với cung Chấn thuộc Thương Môn sở thuộc 9 ngày: Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh

Chuyên đề mang Chấn

Thân, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân những ngày này không nên ra đi (xấu).

BỆNH TẬT

(Bệnh tật): bệnh chân; bệnh gan; Kinh hoàng không yên.

BÓI KIỂU

Trong phạm vi Bói Kiểu quẻ Chấn ứng về Âm Tín, tin tức của một ai.

CẦU DANH

(Cầu Danh): được danh; hợp về nhậm chức ở phương đông; hợp về nhậm chức hô hào, ra lệnh; quan cai ngục; không nhậm chức thuế khóa, trà, gỗ, hoặc chức ở chợ ồn ào.

CẦU TÀI

(Cầu Tài): phát tài về gỗ tre rừng núi; tìm lợi chỗ động, hoặc gặp lợi về các mặt hàng trà, tre, gỗ, sơn lâm.

CHỮ SỐ

(Chữ số): Bốn tám ba.

CHỮ TÊN HỌ

(Chữ tên họ): có chữ mộc; ngôi hàng bốn, tám, ba.

ĐỊA LÝ

(Địa lý): phương đông; cây gỗ; chợ ồn ào; đường lớn; rừng tre; chỗ cỏ cây rậm rạp.

ĐỘNG VẬT

Chuyên để mang Chấn

(Động vật): rỗng; rắn; trăm loại sáu; ngựa kêu.

GIAO DỊCH

(Giao dịch): lợi về giao dịch; mùa thu khó thành; động mới có thể thành; có lợi về những hàng trà, tre, gỗ, rừng núi.

HỘI KIẾN

(Hội kiến): có thể gặp; dễ gặp người rừng núi; dễ gặp người có thành danh.

HÔN NHÂN

(Hôn nhân): có thể, thành công, nhà có thanh danh; được kết hôn với trưởng nam; mùa thu không lợi.

KIỆN TỤNG

(Kiện tụng): thể mạnh; lo lắng vu vơ; di động; lặp đi lặp lại.

MƯU SỰ

(Mưu sự): có thể vượng; có thể cầu; thích hợp với cầu trong sự hoạt động; mùa thu không thuận.

NGŨ SẮC

(Ngũ sắc): xanh đen; màu lục bích.

NGŨ VỊ

(Ngũ vị): ngọt, chua.

NHÀ CỬA

(Nhà cửa): ở phương đông; chỗ rừng rậm; lâu các.

NHÀ Ở

(Nhà ở): có lúc bất thần lo sợ vu vợ trong nhà; mùa xuân, mùa đông tốt; mùa thu không lợi.

NHÂN VẬT

(Nhân vật): trưởng nam

PHẦN MỘ

(Phần mộ): lợi về phương đông; huyết trong rừng sâu.

PHƯƠNG HƯỚNG

(Phương hướng): Đông

SINH ĐẾ

(Sinh đế): sợ vu vợ; thai động không yên; thai đầu tiên chắc chắn là trai; ngồi nên hướng đông; mùa thu không tốt.

TÍNH CÁCH

(Tính cách): khởi động, giận, hoảng sợ vu vợ, gào hét, động nhiều tĩnh ít.

TÍNH VẬT

(Tính vật): gỗ tre; cây lau; nhạc khí (bằng tre, gỗ), vật hoa cỏ tươi tốt; hạt.

THÂN THỂ

(Thân thể): chân; gan; tóc; âm thanh.

THIÊN THỜI

(Thiên thời): sấm.